ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4924 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phân khu khu vực định hướng lấn biển tại Bãi Đất Đỏ, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật số 144/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết 66.20/2026/NQ-CP ngày 18/6/2026 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật về sử dụng quỹ đất dự kiến lấn biển để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện công trình, dự án phục vụ Hội nghị cấp cao APEC 2027 theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao;

Căn cứ Nghị định số 222/2026/NĐ-CP ngày 22/6/2026 của Chính phủ về hoạt động bay;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22/08/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang đến năm 2040 (Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024);

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 về phê duyệt danh mục quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 10/10/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu khu vực định hướng lấn biển tại Bãi Đất Đỏ, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình phê duyệt quy hoạch số 11939/TTr-SXD ngày 28/10/2026 và Báo cáo thẩm định số 793/BC-SXD ngày 27/10/2026 về kết quả thẩm định Quy hoạch phân khu khu vực định hướng lấn biển tại Bãi Đất Đỏ, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu khu vực định hướng lấn biển tại Bãi Đất Đỏ, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000, với nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

- Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu khu vực định hướng lấn biển tại Bãi Đất Đỏ được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp Trung tâm Hội nghị APEC.

+ Phía Đông, phía Tây và phía Nam giáp biển.

- Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: 26ha.

- Phạm vi, ranh giới và quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch được xác định theo hồ sơ bản vẽ quy hoạch được phê duyệt kèm theo Quyết định này; bảo

đảm thống nhất với khu vực định hướng lấn biển tại Bãi Đất Đỏ được xác định tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc xác định diện tích, ranh giới quỹ đất thực hiện dự án và quỹ đất thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT phải được rà soát, xác định cụ thể theo quy định pháp luật, không làm phát sinh diện tích ngoài phạm vi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Thời hạn lập quy hoạch thực hiện theo Quy hoạch tỉnh được duyệt: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2035, giai đoạn dài hạn đến năm 2050.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt danh mục quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT trên địa bàn tỉnh.

- Làm cơ sở pháp lý để lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Việc phê duyệt Quy hoạch phân khu không thay thế các thủ tục về đầu tư, đất đai, hoạt động lấn biển, giao khu vực biển, xây dựng, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, an toàn hàng hải và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Việc triển khai các dự án đầu tư trong phạm vi quy hoạch phải thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục và điều kiện theo quy định, trừ trường hợp được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Tính chất, chức năng: Là khu hỗn hợp ở kết hợp với thương mại, dịch vụ du lịch.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và chỉ tiêu quy hoạch

4.1. Chỉ tiêu về dân số:

- Quy mô dân số khoảng 3.950 người.

- Dân số khác (khách lưu trú, tham quan, nhân viên phục vụ, điều hành….): Khoảng 16.500 đến 39.500 người.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất: Khu vực lập quy hoạch có quy mô dân số 3.950 người (không hình thành đơn vị ở). Bố trí công trình giáo dục, công viên như:

- Chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng: Khoảng 6m^2/người.

- Cơ sở mầm non tại khối đế các công trình khoảng 0,3 ha đảm bảo nhu cầu phục vụ cho quy mô dân số 3.950 người và dân số khác (lao động, nhân viên phục vụ, điều hành).

4.3. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước:

+ Sinh hoạt 170 - 200 lít/người-ngày đêm.

+ Du lịch 250 - 300 lít/người ngày đêm.

+ Công trình công cộng và dịch vụ tối thiểu 2 lít/m^2 sàn/ngày đêm.

- Cấp điện:

+ Sinh hoạt: 1.500 kWh/người/năm.

+ Công trình dịch vụ công cộng: 30-50 W/m^2 sàn.

- Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt: ≥ 80% lượng nước cấp.

- Lượng thải chất thải rắn:

+ Sinh hoạt: 1,2-1,3 kg/người-ngày.

+ Du lịch: 2,0 kg/người-ngày.

5. Các nội dung chính quy hoạch

5.1. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch phân khu rộng 26 ha được cơ cấu sử dụng như sau:

Stt	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhóm nhà ở (chung cư hỗn hợp)	9,53	36,7
2	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	4,00	15,4
3	Đất dịch vụ	4,85	18,6
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	2,48	9,5
5	Đất giao thông	5,14	19,8
Tổng		**26,00**	**100,0**

5.2. Các chỉ tiêu sử dụng đất

Stt	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối thiểu, tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
1	**Đất nhóm nhà ở (chung cư hỗn**	**NO**	**9,53**			

	hợp)					
		NO-01	2,30	65 (*)	1 - 40	13,00
		NO-02	3,58	65 (*)	1 - 40	13,00
		NO-03	3,65	65 (*)	1 - 40	13,00
2	**Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ**	**HH**	**4,00**	45	1 - 50	13,00
3	**Đất dịch vụ**	**DV**	**4,85**	55	1-9	4,95
4	**Đất cây xanh sử dụng công cộng**	**CX**	**2,48**			
		CX1	0,44	5	1	0,05
		CX2	1,53	5	1	0,05
		CX3	0,52	5	1	0,05
5	**Đất giao thông**		**5,14**			
	Tổng		**26,00**			

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu về tầng cao, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất được xác định tại Quy hoạch phân khu là cơ sở để quản lý, nghiên cứu triển khai các bước tiếp theo; việc xác định cụ thể chiều cao công trình, mật độ xây dựng của khối đế, khối tháp và các chỉ tiêu kiến trúc tại bước quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư phải bảo đảm phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định về quản lý độ cao công trình, chướng ngại vật hàng không, quốc phòng, an ninh. Trường hợp có yêu cầu phải lấy ý kiến hoặc chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành thì phải thực hiện trước khi quyết định nội dung thuộc phạm vi yêu cầu đó.

- Về xác định mật độ xây dựng:

+ ""Mật độ xây dựng gộp tối đa được xác định cho các công trình có chiều cao khối đế ≤ 19m. Tổ hợp công trình bao gồm phần đế công trình và tháp cao phía trên, các quy định mật độ xây dựng được áp dụng riêng đối với phần đế công trình và đối với phần tháp cao phía trên theo chiều cao xây dựng tương ứng nhưng phải đảm bảo hệ số sử dụng đất chung của phần đế và phần tháp không vượt quá 13 lần. Do đó, mật độ xây dựng tối đa của khối tháp sẽ được xác định cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết hoặc dự án đầu tư xây dựng.*

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất thương mại dịch vụ hoặc lô đất sử dụng hỗn hợp (chung cư hỗn hợp) sẽ được xác định cụ thể trong quy hoạch

chi tiết, dự án đầu tư xây dựng nhưng phải đảm bảo các quy định tại Bảng 2.9, Bảng 2.10 (QCVN 01:2021/BXD) và các yêu cầu về khoảng cách tối thiểu giữa các dãy nhà và khoảng lùi công trình đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch hiện hành.

- Về bố trí công trình giáo dục (mầm non): Bố trí tại tầng 1 và tầng 2 của các công trình chung cư hỗn hợp nhưng phải đảm bảo diện tích sân chơi, lối đi riêng phục vụ học sinh và các quy định về an toàn vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- Lưu ý đối với các khu vực cao tầng trong bước lập quy hoạch chi tiết phải có ý kiến bằng văn bản của Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Về quỹ đất nhà ở xã hội: Tỷ lệ đất nhà ở xã hội sẽ được xem xét bố trí cụ thể trong các dự án phát triển đô thị, dự án nhà ở thương mại và trong bước quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về nhà ở. Việc xác định, bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội trong phạm vi quy hoạch phải được rà soát, thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và các quy định khác có liên quan; trường hợp thuộc đối tượng phải bố trí quỹ đất nhà ở xã hội thì phải bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định, không được hiểu việc phê duyệt Quy hoạch phân khu này là căn cứ miễn trừ nghĩa vụ bố trí quỹ đất nhà ở xã hội.

5.3. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

- Tổ chức không gian khu vực lập quy hoạch thành các khu vực như sau:

+ Khu dịch vụ dự kiến bố trí các khu trung tâm thương mại; dịch vụ, du lịch; khách sạn, nhà hàng, lưu trú….

+ Khu hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ dự kiến kết hợp nhà ở và các khu chức năng văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch....

+ Khu công viên cây xanh. Kiến trúc cảnh quan cây xanh công viên, vườn hoa là tổ hợp của nhiều thành phần như: Công trình kiến trúc nhỏ, đường dạo, cây xanh thảm cỏ,…kết hợp thành một tổng thể chung.

- Cấu trúc không gian tổng thể được tổ chức theo cấu trúc đa lớp, gồm lõi công trình cao tầng kết hợp không gian mở và vành đai cây xanh - mặt nước. Các công trình cao tầng thương mại - dịch vụ - du lịch được bố trí tập trung, hình thành điểm nhấn không gian và đường chân trời đặc trưng. Xen kẽ là các không gian quảng trường, cây xanh và mặt nước, đóng vai trò chuyển tiếp mềm mại giữa các khu chức năng, góp phần điều hòa vi khí hậu và nâng cao chất lượng môi trường khu vực.

5.4. Xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm

- Nghiên cứu cụ thể hoá không gian ngầm trong bước quy hoạch chi tiết 1/500 đảm bảo phù hợp với quy chuẩn hiện hành.

- Nghiên cứu ngầm hoá hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển không gian ngầm đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành.

5.5. Thiết kế đô thị: Gồm chỉ tiêu khống chế về khoảng lùi, cảnh quan đô thị dọc trục đường chính, khu trung tâm; các khu vực không gian mở, công trình điểm nhấn và từng ô phố cho khu vực thiết kế, cây xanh….Nội dung được thể hiện cụ thể trong thuyết minh và bản vẽ thiết kế đô thị.

5.6. Giải pháp tổ chức hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

Đảm bảo nguyên tắc hình thành hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối đồng bộ, và là một phần của hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung của khu vực. Các hạng mục bao gồm:

a) Giao thông

- Đường số 1, đường số 2 (mặt cắt A-A): Lộ giới rộng 34m, mặt đường rộng 14m, lề đường mỗi bên rộng 10m.

- Đường số 3 (mặt cắt B-B): Lộ giới rộng 22m, mặt đường rộng 14m, lề đường mỗi bên rộng 4m.

- Đường số 4, đường số 5 (mặt cắt C-C): Lộ giới rộng 16m, mặt đường rộng 8m, lề đường mỗi bên rộng 4m.

- Bãi đỗ xe: Nghiên cứu ngầm hoá đảm bảo phù hợp với quy định về định hướng phát triển không gian ngầm.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ san nền:

+ Cao độ thiết kế: +3,75 m đến +4,5m.

+ Nguồn cát san lấp sẽ được nghiên cứu đề xuất chủ trương khai thác khoáng sản cát san lấp tại khu vực phía Đông Bắc và phía Đông Nam mũi Ông Đội.

- Khối lượng san lấp đào đắp thể hiện rõ trong bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất.

- Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế mới, tách riêng với hệ thống thoát nước thải, tập trung thu gom qua hệ thống đường ống kết nối vào tuyến cống hộp chính thoát ra biển thông qua các miệng xả.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa.

c) Cấp nước

- Nguồn nước: Từ nước thủy cục và nước lọc từ nhà máy lọc nước biển APEC.

- Thiết kế đường ống cấp nước dạng mạch vòng khép kín để đảm bảo áp lực nước tại mọi điểm và không bị mất nước cục bộ khi có sự cố sửa chữa.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 12.850 m^3/ngày đêm.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước.

d) Thoát nước thải và xử lý chất thải rắn

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại, thu gom bằng các tuyến cống dẫn về trạm xử lý nước thải. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định, thoát ra môi trường.

- Xử lý chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt sau khi được thu gom từ các điểm tập trung chất thải rắn trong khu vực quy hoạch, được vận chuyển về các cơ sở xử lý chất thải rắn theo định hướng của quy hoạch chung được duyệt.

+ Tổng nhu cầu xử lý chất thải rắn khoảng 67,8 tấn/ngày đêm.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn.

đ) Năng lượng và chiếu sáng

- Nguồn điện: Nguồn cấp điện cho khu vực quy hoạch đấu nối với đường dây trung thế 22kV trên tuyến đường An Thới - Cửa Lấp (ĐT.975).

- Mạng lưới cấp điện và chiếu sáng được bố trí đi ngầm.

- Tổng nhu cầu dùng điện cho khu quy hoạch khoảng 50.000 kVA.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

e) Hạ tầng viễn thông thụ động

- Cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản như điện thoại, Fax, mạng internet băng thông rộng, mạng truyền hình cáp và truyền hình số.

- Mạng không dây: Mạng hỗ trợ cho mạng hữu tuyến, cung cấp kết nối máy tính di động.

- Tổng thuê bao dự kiến trong khu quy hoạch khoảng 4.400 thuê bao.

5.7. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

- Những hạng mục ưu tiên đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (san lấp, giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, …), công viên cây xanh,…đồng bộ, hoàn chỉnh.

- Nguồn lực thực hiện: Vốn tư nhân và các nguồn vốn khác.

5.8. Một số yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch

- Việc tổ chức triển khai quy hoạch phải bảo đảm phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang được duyệt, Quy hoạch chung Phú Quốc và các quy hoạch có liên quan; việc áp dụng cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 66.20/2026/NQ-CP ngày 18/6/2026 của Chính phủ phải tuân thủ đúng phạm vi, đối tượng, điều kiện và nội dung được quy định.

- Trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và triển khai các dự án đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm rà soát, bảo đảm không ảnh hưởng đến các công trình quốc phòng, an ninh, khu vực quân sự, vùng nước cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu tàu thuyền và các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan; thực hiện việc lấy ý kiến, thỏa thuận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật chuyên ngành.

- Việc triển khai hoạt động lấn biển, san lấp mặt bằng, xây dựng công trình kè, khai thác và sử dụng vật liệu san lấp, đấu nối hạ tầng kỹ thuật, thoát nước và xả thải ra môi trường phải được xem xét, thực hiện theo đúng quy định pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường, khoáng sản, xây dựng, hàng hải và các quy định khác có liên quan.

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm rà soát, bảo đảm tính thống nhất giữa hồ sơ quy hoạch phân khu được phê duyệt với các quy hoạch, dự án đầu tư và hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực tiếp giáp; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với những nội dung phát sinh vượt thẩm quyền.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch phân khu (thuyết minh, bản vẽ, Quy định quản lý theo quy hoạch và các tài liệu có liên quan); bảo đảm thống nhất với nội dung Quyết định phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, thống nhất của các số liệu, chỉ tiêu quy hoạch, nội dung hồ sơ và kết quả thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp việc tiếp thu, giải trình các ý kiến

của cơ quan, đơn vị có liên quan và Hội đồng thẩm định; làm rõ cơ sở pháp lý về phạm vi, quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch, việc áp dụng cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 66.20/2026/NQ-CP và sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung còn vướng mắc theo quy định.

- Tổ chức công bố, công khai, lưu trữ hồ sơ quy hoạch; tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn thực hiện việc xác định, quản lý, cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch phân khu được duyệt; kịp thời xử lý hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Giao các sở, ban ngành và UBND đặc khu Phú Quốc: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Xây dựng trong việc tổ chức quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch phân khu; rà soát, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý; kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (9b);
- VP UBND tỉnh: LĐVP, P.KT, TT.CBTH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tnvnam "HT".

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức